TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2023/DS-PT
Ngày 10-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Những.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Ngọc Yến.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 84/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Hữu P, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số X, ấp B, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông Phan Bá T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 820, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/4/2023 được công chứng tại Văn phòng Công chứng C).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1980.

2. Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Ấp Y, xã Z, huyện C, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Bích L.

(Ông Thiên, ông A, bà L có mặt, ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Đặng Hữu P là nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/6/2019, ông có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Bích L vay số tiền 319.000.000 đồng, có lập giấy vay tiền viết tay vào ngày 04/6/2019, trong giấy vay tiền không ghi cụ thể lãi suất và thời gian trả nợ mà thỏa thuận miệng với lãi suất vay là 5%/tháng, thời gian vay là 03 tháng, không nói rõ mục đích vay.

Số tiền vay 319.000.000 đồng này bao gồm 02 khoản tiền vay là 290.000.000 đồng và 29.000.000 đồng được đề cập đến trong Bản án số M/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Bản án số N/2020/DS-PT ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Sau đó, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và được Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo Quyết định giám đốc thẩm số K/2021/DS-GĐT ngày 11/01/2021 với nội dung không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên bản án. Đầu năm 2022, ông có làm đơn yêu cầu kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số K/2021/DS-GĐT ngày 11/01/2021 tại Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Tại Thông báo số Q/TB-TA ngày 15/3/2022 của Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án nhân dân tối cao đề nghị ông liên hệ với Viện kiểm sát nhân dân tối cao để được giải quyết và sau khi Viện kiểm sát nhân dân tối cao có kết quả giải quyết mà ông không đồng ý và tiếp tục có đơn đề nghị giám đốc thẩm thì Tòa án nhân dân tối cao sẽ xem xét giải quyết. Ngày 06/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông báo số 89/TB-VKS-DS với nội dung không kháng nghị giám đốc thẩm theo yêu cầu của ông. Sau khi nhận thông báo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao thì ông không khiếu nại, ông cũng không khiếu nại gì liên quan đến Quyết định giám đốc thẩm số K/2021/DS-GĐT ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nữa.

Khoản vay 29.000.000 đồng được lập Giấy vay và giao nhận tiền vào ngày 28/5/2019. Ngày 04/6/2019, ông A, bà L vay thêm 290.000.000 đồng, các bên ký Hợp đồng ủy quyền ngày 04/6/2019 tại Văn phòng Công chứng O, sau đó, khoảng 15 giờ cùng ngày, các bên quay về nhà ông để nhận tiền và ký vào Biên nhận tiền, cộng dồn khoản vay 29.000.000 đồng ngày 28/5/2019 cùng khoản vay 290.000.000 đồng ngày 04/6/2019 thành khoản vay 319.000.000 đồng. Lý do, tại Bản án số M/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C và Bản án số N/2020/DS-PT ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An ông không trình bày nội dung này bởi vì lúc ông A, bà L kiện thì Tờ Biên nhận tiền này ông đã bị thất lạc, không tìm được nên không trình bày vì trình bày mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cũng không giải quyết được. Nay, khoản vay 29.000.000 đồng đã giải quyết xong, ông chỉ yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông A và bà L trả cho ông số tiền là 290.000.000 đồng.

Từ lúc vay tiền đến nay ông A, bà L chưa thanh toán cho ông bất kỳ khoản tiền vốn và lãi nào. Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu ông A, bà L thanh toán tiền vốn là 319.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 20%/năm nhưng nay ông chỉ yêu cầu ông A và bà L trả lại tiền vốn 290.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Ông A và bà L là vợ chồng, mặc dù ông A không đến ký tên vào Biên nhận tiền ngày 04/6/2019 nhưng ông A chở bà L đến nhà ông nhận tiền và biết việc vay tiền của bà L nên ông đề nghị ông A có nghĩa vụ liên đới cùng bà L trả cho ông khoản tiền 290.000.000 đồng.

Khoản tiền vay 290.000.000 đồng là tiền chung của vợ chồng ông nhưng vợ chồng thỏa thuận là ông đi kiện nên yêu cầu ông A, bà L trả lại cho ông, không yêu cầu trả chung cho vợ chồng.

Ông yêu cầu Tòa án tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2022/QĐ-BPKCTT "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" là thửa đất số 998, diện tích 156m^2, loại đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã Z, huyện C, tỉnh Long An để đảm bảo giải quyết vụ án.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Bích L do ông Huỳnh Văn H đại diện trình bày:

Ngày 28/5/2019, vợ chồng ông A và bà L có vay khoản tiền 29.000.000 đồng từ ông P, có làm giấy tay mượn tiền và có ký hợp đồng ủy quyền ngày 04/6/2019 ủy quyền thửa đất 998, tờ bản đồ số 2, diện tích 156m^2, loại đất ở tại nông thôn do bà L đứng tên quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay 29.000.000 đồng này. Sự việc này các bên tranh chấp và đã được Tòa án nhân dân huyện C và Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết xong theo các Bản án số M/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 và số N/2020/DS-PT ngày 25/5/2020. Ngoài khoản tiền vay 29.000.000 đồng này thì ông A, bà L không còn nợ ông P khoản tiền nào khác. Trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp Hợp đồng ủy quyền, đòi tài sản và hợp đồng vay tài sản tại Tòa án nhân dân huyện C và Tòa án nhân dân tỉnh Long An, ông P đều trình bày khi cho vay khoản tiền 290.000.000 đồng không có làm biên nhận vay tiền nhưng đến nay lại đưa ra Tờ biên nhận vay tiền ngày 04/6/2019 chứng tỏ Tờ biên nhận vay tiền ngày 04/6/2019 mà ông P cung cấp là chứng cứ không có thật. Mặt khác, khoản tiền vay 290.000.000 đồng này đã được giải quyết tại Bản án số M/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C và Bản án phúc thẩm số N/2020/DS-PT ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã có hiệu lực pháp luật nên yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Do đó, ông A và bà L yêu cầu Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật không chấp nhận yêu cầu của ông P, đình chỉ việc giải quyết vụ án và Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng bà Huỳnh Nguyễn Phương E trình bày:

Ngày 04/6/2019 bà có chứng kiến sự việc bà L đến nhà vay tiền của ông P và ông P giao tận tay số tiền 290.000.000 đồng cho bà L. Ông A không vào nhà nhận tiền nhưng chở bà L đến và đứng ngoài đợi bà L nhận tiền. Sau khi ông P giao số tiền 290.000.000 đồng cho bà L thì có kêu bà viết vào sổ ghi nợ và viết tờ Biên nhận tiền ngày 04/6/2019 với số tiền vay 319.000.000 đồng nên bà lấy tờ Biên nhận tiền đã đánh máy sẵn phần chính và viết nội dung vào. Chữ viết tay từ đoạn "Tôi tên đến V ngày 4 tháng 6 năm 2019" là chữ viết tay của bà sau đó bà đưa cho bà L ký tên và ghi họ và tên vào phần phía dưới chữ "Người nhận tiền".

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện C hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Đặng Hữu P về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Bích L.

Buộc Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Bích L liên đới hoàn trả cho ông Đặng Hữu P số tiền vay còn nợ vốn là 290.000.000 đồng và lãi là 96.022.000 đồng tổng vốn và lãi là 386.022.000 đồng (Ba trăm tám mươi sáu triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2022/QĐ-BPKCTT ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Về chi phí tố tụng: Bà L và ông A phải liên đới chịu 4.800.000 đồng, đã nộp đủ.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Bích L phải liên đới chịu 19.301.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại ông Đặng Hữu P 12.026.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006177 ngày 22/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 13 tháng 01 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Bích L kháng cáo đề nghị không chấp nhận

toàn bộ yêu cầu khởi kiện, đình chỉ giải quyết vụ án và hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Bích L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

Ông A, bà L kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, xác định lại yêu cầu kháng cáo là yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do yêu cầu khởi kiện của ông P về số tiền vay 290.000.000 đồng đã được giải quyết bằng Bản án dân sự sơ thẩm số M/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C và Bản án phúc thẩm số N/2020/DS-PT ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và đã có hiệu lực pháp luật nên ông P khởi kiện nữa là không đúng quy định của pháp luật.

Đại diện cho nguyên đơn là ông Phan Bá T trình bày:

Tại Bản án số M/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Bản án số N/2020/DS-PT ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thì Tờ Biên nhận tiền ngày 04/6/2019 với số tiền 319.000.000 đồng bị thất lạc, không tìm được nên tại Bản tường trình ngày 16/9/2019 và Biên bản hòa giải ngày 17/9/2019 ông P đều trình bày là khi giao số tiền trên cho bà L không có làm giấy biên nhận tiền vì đã có giấy ủy quyền rồi. Ông P trình bày như vậy là vì giấy biên nhận bị thất lạc, nếu trình bày có làm biên nhận tiền cũng không giải quyết được vấn đề gì. Sau này tìm lại được giấy biên nhận tiền nêu trên nên ông P khởi kiện lại. Việc ông P khởi kiện lại là có căn cứ và đúng pháp luật nên ông đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, thấy rằng Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ việc. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Qua xem xét hồ sơ vụ án và yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Bích L, nhận thấy: Theo hồ sơ vụ án thể hiện năm 2019 ông A, bà L khởi kiện ông P, yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng ủy quyền ngày 04/6/2019 tại Văn phòng công chứng O, yêu cầu ông P trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà L ngày 16/11/2017, vợ chồng bà L đồng ý trả lại cho ông P 29.000.000 đồng tiền vay và lãi suất theo Giấy cho mượn tiền ngày 28/5/2019. Ông P có yêu cầu phản tố buộc vợ chồng bà L trả 290.000.000 đồng tiền vay và lãi suất, số tiền 29.000.000 đồng ông A bà L trả lại ông đồng ý nhận nhưng do ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh có cho vợ chồng bà L vay 290.000.000 đồng nên tại Bản án số N/2020/DS-PT ngày 25/5/2020 của

Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết về việc tranh chấp hợp đồng ủy quyền, đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A bà L: hủy Hợp đồng ủy quyền ngày 04/6/2019 tại Văn phòng công chứng O, buộc ông P trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà L ngày 16/11/2017, buộc vợ chồng bà L ông A liên đới trả cho ông P 29.000.000 đồng và tiền lãi; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông P đối với số tiền 290.000.000 đồng. Bản án đã được xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định giám đốc thẩm số K/2021/DS-GĐT ngày 11/01/2021 giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số N/2020/DS-PT ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Trong vụ án này, ông P khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay và cung cấp chứng cứ là giấy tay Biên nhận tiền ngày 04/6/2019 có nội dung bà L nhận số tiền là 319.000.000 đồng từ hợp đồng ủy quyền thửa đất 998, tờ bản đồ số 2, diện tích 156m^2. Như vậy đối tượng tranh chấp của vụ án là Biên nhận tiền 319.000.000 đồng, theo ông P thì số tiền này gồm 2 khoản 29.000.000 đồng và số tiền 290.000.000 đồng ông P đã khởi kiện trong vụ án trước nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, để đảm bảo tính hợp lý và lẽ công bằng và để giải quyết hậu quả của Hợp đồng ủy quyền ngày 04/6/2019 nên Tòa sơ thẩm thụ lý giải quyết yêu cầu của ông P là có căn cứ.

Mặc dù bà L không thừa nhận chữ ký trong tờ Biên nhận tiền nhưng theo Kết luận giám định số R/KL-KTHS ngày 7/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An và Kết luận giám định số F/KL-KTHS ngày 20/12/2022 của Phân viện kỹ thuật hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh thì chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Thị Bích L" dưới mục "Người nhận tiền" là của bà L. Do đó, có căn cứ xác định bà L đã nhận số tiền 319.000.000 đồng này và Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông A, bà L liên đới trả tiền vốn vay và tiền lãi là có căn cứ, kháng cáo của ông A, bà L không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Bích L. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 01 năm 2023, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Bích L kháng cáo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 70, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Ông A và bà L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[4] Về nội dung yêu cầu kháng cáo:

[4.1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 4 năm 2022 của ông P trình bày ngày 04/6/2019 ông P có cho vợ chồng ông A, bà L vay số tiền 319.000.000 đồng, có lập giấy viết tay không thể hiện lãi suất và thời gian trả nhưng hai bên thỏa thuận nói miệng lãi suất cho vay là 5%/tháng. Do ông A, bà L không trả nên ông P yêu cầu ông A, bà L trả tiền gốc vay 290.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/6/2019 tạm tính đến ngày 13/4/2022 với lãi suất 20%/năm là 182.340.000 đồng.

[4.2] Sau khi Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án, ông P trình bày số tiền 290.000.000 đồng mà ông P khởi kiện là số tiền mà ông P đã phản tố yêu cầu ông A, bà L trả theo Bản án dân sự sơ thẩm số M/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C và Bản án dân sự phúc thẩm số N/2020/DS-PT ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Tuy nhiên, bản án dân sự phúc thẩm đã không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông P về việc yêu cầu ông A, bà L trả số tiền vay 290.000.000 đồng và tiền lãi 12.615.000 đồng.

[4.3] Sau đó, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và được Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết bằng Quyết định giám đốc thẩm số K/2021/DS-GĐT ngày 11/01/2021 với nội dung không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên bản án phúc thẩm. Ông P làm đơn yêu cầu kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số K/2021/DS-GĐT ngày 11/01/2021 gửi Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Tại Thông báo số Q/TB-TA ngày 15/3/2022 của Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án nhân dân tối cao đề nghị ông liên hệ với Viện kiểm sát nhân dân tối cao tối cao để được giải quyết và sau khi Viện kiểm sát nhân dân tối cao có kết quả giải quyết mà ông không đồng ý và tiếp tục có đơn đề nghị giám đốc thẩm thì Tòa án nhân dân tối cao sẽ xem xét giải quyết. Ngày 06/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông báo số W/TB-VKS-DS với nội dung không kháng nghị giám đốc thẩm theo yêu cầu của ông. Sau khi nhận thông báo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao thì ông P không khiếu nại mà khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C đối với số tiền 290.000.000 đồng.

[4.4] Thấy rằng, đối với số tiền 290.000.000 đồng mà ông P khởi kiện đã được giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số N/2020/DS-PT ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và Quyết định giám đốc thẩm số K/2021/DS-GĐT ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đang có hiệu lực pháp luật. Khi khởi kiện, ông P không trình bày nguồn gốc của số tiền này nên Tòa án sơ thẩm không trả lại đơn khởi kiện do đơn khởi kiện thuộc trường hợp "Sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự. Lẽ ra, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án sơ thẩm đã thu thập chứng cứ là các bản án, quyết định, thông báo nêu trên thì cần phải áp dụng điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết vụ án nhưng lại căn cứ điểm b khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho rằng ông P được quyền khởi kiện lại và tiếp tục giải quyết vụ án theo chứng cứ

do ông P cung cấp là Tờ biên nhận ngày 04/6/2019 thể hiện bà L nhận số tiền 319.000.000 đồng từ hợp đồng ủy quyền thửa đất 998 do người giao tiền là ông P để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P là không đúng theo quy định của pháp luật.

[4.5] Do đó, yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của ông P không có căn cứ nên cần hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2022/QĐ-BPKCTT ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[4.6] Về chi phí tố tụng: Do các kết luận giám định chứng minh yêu cầu giám định của ông A, bà L là không có căn cứ nên ông A, bà L phải chịu chi phí này là 4.800.000 đồng (đã nộp xong).

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông A, bà L, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên ông A và bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 308 và Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Bích L.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 138, Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số K8/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Hữu P, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 87, ấp 4, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: Ấp Y, xã Z, huyện C, tỉnh Long An.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự:

2.1. Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về chi phí tố tụng (chi phí giám định): Buộc ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng) (đã nộp xong).

2.3. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2022/QĐ-BPKCTT ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ông Đặng Hữu P được quyền liên hệ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C để nhận lại số tiền 104.800.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu tám trăm nghìn đồng) theo Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00018922557 mang tên khách hành Đặng Hữu P.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Hữu P không phải chịu. Hoàn lại ông Đặng Hữu P 12.026.000 đồng (Mười hai triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006177 ngày 22/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Bích L không phải chịu.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0004911 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0004910 ngày 16/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Những